

**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU NHỜN PV OIL**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY  
31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 24

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Bùi Thanh Cảnh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Lê Minh	Ủy viên
Ông Nguyễn Trí Dũng	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 16 tháng 8 năm 2012)
Ông Huỳnh Nguyễn Bạch Tuyên	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 16 tháng 8 năm 2012)
Ông Võ Tấn Phong	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2012)
Ông Huỳnh Minh Triết	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2012)

#### **Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Trí Dũng	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 16 tháng 8 năm 2012)
Ông Huỳnh Nguyễn Bạch Tuyên	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 16 tháng 8 năm 2012)
Ông Vũ Anh Đức	Phó Giám đốc
Ông Dương Hiến Vĩnh	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 18 tháng 5 năm 2012)
Ông Hoàng Anh Dũng	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 18 tháng 5 năm 2012)
Bà Đặng Thị Lan Phương	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 19 tháng 12 năm 2012)
	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2012)

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Huỳnh Nguyễn Bạch Tuyên**

**Giám đốc**

Ngày 1 tháng 4 năm 2013

Số: 0541/Deloitte-AUDHCM-RE

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 1 tháng 4 năm 2013 từ trang 3 đến trang 24. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

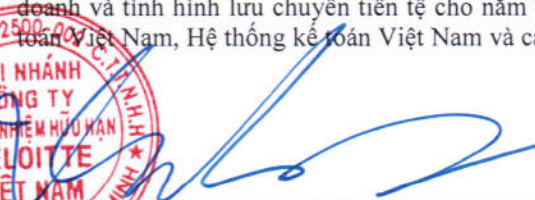
### Cơ sở của ý kiến


Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



  
**Võ Thái Hòa**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0138/KTV  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**  
Ngày 1 tháng 4 năm 2013  
Thành Phố. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

  
**Đặng Thị Lợi**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1529/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU SỐ B 01-DN**  
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>123.894.914.468</b>	<b>136.237.258.299</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>48.705.193.999</b>	<b>30.226.554.836</b>
1. Tiền	111		36.605.193.999	14.826.554.836
2. Các khoản tương đương tiền	112		12.100.000.000	15.400.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>462.635.972</b>	<b>4.195.146.709</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		462.635.972	4.195.146.709
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>35.029.035.378</b>	<b>28.039.797.137</b>
1. Phải thu khách hàng	131		30.186.448.044	23.822.973.283
2. Trả trước cho người bán	132		1.157.508.711	1.179.084.131
3. Các khoản phải thu khác	135	<b>7</b>	4.359.860.096	3.614.642.601
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(674.781.473)	(576.902.878)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>36.538.946.405</b>	<b>69.643.529.730</b>
1. Hàng tồn kho	141		36.538.946.405	69.643.529.730
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.159.102.714</b>	<b>4.132.229.887</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		912.255.394	286.509.747
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		215.439.151	815.162.926
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	<b>9</b>	2.031.408.169	3.030.557.214
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>52.862.501.661</b>	<b>46.027.399.273</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>13.823.917.868</b>	<b>15.468.270.979</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>10</b>	12.162.637.793	13.704.758.284
- Nguyên giá	222		51.403.202.937	51.400.799.790
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(39.240.565.144)	(37.696.041.506)
2. Tài sản cố định vô hình	227	<b>11</b>	1.661.280.075	1.763.512.695
- Nguyên giá	228		3.066.978.600	3.066.978.600
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.405.698.525)	(1.303.465.905)
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>272.578.705</b>	<b>400.000.000</b>
1. Đầu tư dài hạn khác	258	<b>12</b>	272.578.705	400.000.000
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>38.766.005.088</b>	<b>30.159.128.294</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>13</b>	38.763.005.088	30.121.128.294
2. Tài sản dài hạn khác	268		3.000.000	38.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>176.757.416.129</b>	<b>182.264.657.572</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU SỐ B 01-DN**  
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)</b>	<b>300</b>		<b>81.181.840.812</b>	<b>77.048.499.942</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>81.181.840.812</b>	<b>77.048.499.942</b>
1. Phải trả người bán	312		59.186.395.459	35.017.412.793
2. Người mua trả tiền trước	313		1.320.571.373	1.222.516.974
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	1.318.479.445	5.518.460.075
4. Phải trả người lao động	315		2.829.954.922	-
5. Chi phí phải trả	316		1.146.698.768	309.399.900
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	15.379.740.845	34.952.080.120
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	28.630.080
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>95.575.575.317</b>	<b>105.216.157.630</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>16</b>	<b>95.575.575.317</b>	<b>105.216.157.630</b>
1. Vốn cổ phần	411		89.000.000.000	89.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.799.053.092	1.799.053.092
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.055.204.054	-
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.209.717.886	528.626.587
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.511.600.285	13.888.477.951
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>176.757.416.129</b>	<b>182.264.657.572</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

1. Ngoại tệ các loại ("USD")

31/12/2012	31/12/2011
50.984,88	38.675,66



Huỳnh Nguyễn Bạch Tuyên  
 Giám đốc  
 Ngày 1 tháng 4 năm 2013

Ngũ Văn Đào  
 Kế toán trưởng

Thái Thị Ban Mai  
 Người lập biểu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU SỐ B 02-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			2012	2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	409.978.104.945	446.490.328.527
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	4.287.719.969	2.511.038.355
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>18</b>	<b>405.690.384.976</b>	<b>443.979.290.172</b>
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	18	372.513.862.258	402.593.905.212
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>33.176.522.718</b>	<b>41.385.384.960</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	1.248.883.515	4.633.056.394
7. Chi phí tài chính	22		371.729.832	641.513.699
8. Chi phí bán hàng	24		18.668.308.871	16.965.924.207
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		15.607.747.572	11.360.135.179
<b>10. (Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))</b>	<b>30</b>		<b>(222.380.042)</b>	<b>17.050.868.269</b>
11. Thu nhập khác	31	22	2.579.519.972	2.041.769.555
12. Chi phí khác	32	22	306.821.029	750.007.668
<b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>	<b>22</b>	<b>2.272.698.943</b>	<b>1.291.761.887</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>2.050.318.901</b>	<b>18.342.630.156</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	538.718.616	4.720.804.182
<b>16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)</b>	<b>60</b>		<b>1.511.600.285</b>	<b>13.621.825.974</b>
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	170	1.531



Huỳnh Nguyễn Bạch Tuyên  
 Giám đốc  
 Ngày 1 tháng 4 năm 2013

Ngô Văn Đào  
 Kế toán trưởng

Thái Thị Ban Mai  
 Người lập biểu

**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU NHỜN PV OIL**Số 201 Đường Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU SỐ B 03-DN**

Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>2012</b>	<b>2011</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.050.318.901	18.342.630.156
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.051.996.698	2.562.203.622
Các khoản dự phòng	03	97.878.595	164.066.074
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.341.158.955)	(4.762.147.303)
Chi phí lãi vay	06	109.396.845	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.968.432.084	16.306.752.549
Thay đổi các khoản phải thu	09	(7.760.716.646)	7.652.541.482
Thay đổi hàng tồn kho	10	33.104.583.325	(15.162.227.829)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	1.622.938.473	(197.053.230)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(9.267.622.441)	(1.312.847.513)
Tiền lãi vay đã trả	13	(109.396.845)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.684.716.139)	(3.606.499.779)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1.076.528.186	30.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.362.182.598)	(2.381.156.014)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>15.587.847.399</b>	<b>1.329.509.666</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(703.546.393)	(7.481.914.142)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	359.548.166	129.090.909
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(272.578.705)	(24.195.146.709)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	4.132.510.737	31.110.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.479.827.959	2.902.111.950
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>5.995.761.764</b>	<b>2.464.142.008</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của cổ đông	31	-	(102.816.767)
2. Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	6.806.000.000	-
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(6.806.000.000)	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(3.104.970.000)	(3.322.700.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(3.104.970.000)</b>	<b>(3.425.516.767)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>18.478.639.163</b>	<b>368.134.907</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>30.226.554.836</b>	<b>29.858.419.929</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>48.705.193.999</b>	<b>30.226.554.836</b>

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty vẫn chưa thanh toán cổ tức cho Tổng Công ty Dầu Việt Nam và các cổ đông khác với số tiền là 12.262.330.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 5.577.300.000 đồng). Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.



Huyền Nguyễn Bạch Tuyên  
Giám đốc

Ngày 1 tháng 4 năm 2013

Ngũ Văn Đào  
Kê toán trưởng

Thái Thị Ban Mai  
Người lập biểu

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU NHỜN PV OIL**

Số 201 Đường Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil (tên trước đây là “Công ty Cổ phần Hóa dầu Dầu khí Vidamo”) (gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Hóa dầu Dầu khí Vidamo.

Công ty được cổ phần hóa vào ngày 19 tháng 12 năm 2009 và trở thành Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0103100084 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tại ngày này, Công ty cổ phần mới thành lập đã nhận bàn giao toàn bộ tài sản và nợ phải trả từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Công ty đã đổi tên từ Công ty Cổ phần Hóa dầu Dầu khí Vidamo thành Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh vào ngày 14 tháng 03 năm 2012.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty bao gồm:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil tại Miền Bắc;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil tại Vũng Tàu;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil tại Tuyên Quang;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil tại Đà Nẵng;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil tại Hải Phòng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 118 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 104 người).

**Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dầu mỡ bôi trơn, các chế phẩm bôi trơn chuyên dụng. Tổ chức thực hiện các hoạt động liên quan đến lĩnh vực sản xuất và kinh doanh, xuất nhập khẩu dầu mỡ bôi trơn. Sản xuất và kinh doanh các thiết bị phục vụ trong lĩnh vực dầu mỡ bôi trơn. Tư vấn và cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực dầu mỡ bôi trơn công nghiệp và dân dụng. Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dung môi, hóa chất, hóa chất dầu (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), nhựa đường. Đại lý kinh doanh xăng dầu bán buôn, bán lẻ. Kinh doanh vận tải xăng dầu đường bộ, đường thủy, đại lý kinh doanh LPG. Cho thuê kho bãi, văn phòng.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 đưa ra hướng dẫn cụ thể về tỷ giá áp dụng đối với việc thanh toán và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 179 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, đầu tư tài chính và tài sản tài chính khác.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do đánh giá lại giá trị doanh nghiệp là giá trị còn lại theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 15
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 6
Tài sản khác	5

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian thuê lô đất.

**Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chủ yếu giá trị lợi thế vị trí địa lý của các lô đất Công ty đang thuê do đánh giá lại giá trị doanh nghiệp trước khi cổ phần hóa, chi phí sửa chữa văn phòng, nhà xưởng và chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng. Giá trị lợi thế vị trí địa lý được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh từ 8 năm đến 50 năm, tương ứng với thời gian thuê đất kể từ ngày cổ phần hóa doanh nghiệp. Chi phí trả trước liên quan đến chi phí thuê cây xăng ở Đà Nẵng được phân bổ trong 12 năm, tương ứng với thời gian thuê đất. Chi phí sửa chữa văn phòng và chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh từ 2 đến 5 năm.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty không ghi nhận khoản thuế thu nhập hoãn lại do các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập là không trọng yếu.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU NHỜN PV OIL**Số 201 Đường Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b><u>VND</u></b>	<b><u>VND</u></b>
Tiền mặt	1.541.094.189	749.893.832
Tiền gửi ngân hàng	35.064.099.810	14.076.661.004
Các khoản tương đương tiền (i)	12.100.000.000	15.400.000.000
	<b><u>48.705.193.999</u></b>	<b><u>30.226.554.836</u></b>

(i): Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá ba (3) tháng với lãi suất hàng năm là 8 % (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 14%/năm), trong đó, khoản tiền gửi 100.000.000 đồng được dùng để đảm bảo cho việc thực hiện hợp đồng với Điện lực Kiên Giang.

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b><u>VND</u></b>	<b><u>VND</u></b>
Công ty Cổ phần Quốc tế Năm Sao (i)	-	4.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Thạnh (ii)	462.635.972	195.146.709
	<b><u>462.635.972</u></b>	<b><u>4.195.146.709</u></b>

(i) Công ty ủy thác cho Công ty Cổ phần Quốc tế Năm Sao quản lý vốn đầu tư theo Hợp đồng số 002/2011/UT.QLV/VIDAMO ngày 24 tháng 3 năm 2011 và Phụ lục số 01, 02 bổ sung thời hạn đầu tư với lãi suất áp dụng là 14%/năm trong thời hạn đầu tư là hai (2) tháng. Công ty đã thu hồi khoản đầu tư này trong tháng 01 năm 2012.

(ii) Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Thạnh thể hiện khoản tiền gửi trên ba (3) tháng và dưới mười hai (12) tháng với lãi suất 8%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 14%/năm), trong đó, khoản tiền gửi 397.000.000 đồng được dùng để đảm bảo cho việc thực hiện hợp đồng với Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng và Liên doanh Việt Nga Vietsovpetro và khoản tiền gửi 65.635.972 đồng đã được tất toán trước hạn trong tháng 1 năm 2013.

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b><u>VND</u></b>	<b><u>VND</u></b>
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	-	22.808.183
Phải thu lãi hoạt động đầu tư	500.000.000	1.730.944.444
Phải thu phí hỗ trợ thuê văn phòng tại Hà Nội	1.721.164.000	860.584.000
Phải thu Quỹ khen thưởng, phúc lợi chi thừa	838.852.053	728.889.612
Phải thu cán bộ công nhân viên	143.034.165	159.053.444
Phải thu từ bán hàng chưa xuất hóa đơn	706.398.538	-
Phải thu khác	450.411.340	112.362.918
	<b><u>4.359.860.096</u></b>	<b><u>3.614.642.601</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU NHỜN PV OIL**

Số 201 Đường Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***8. HÀNG TỒN KHO**

	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b><u>VND</u></b>	<b><u>VND</u></b>
Nguyên liệu, vật liệu	19.883.940.863	49.096.355.637
Công cụ, dụng cụ	1.004.202.447	2.124.307.887
Thành phẩm	11.368.130.497	14.168.904.269
Hàng hoá	4.282.672.598	4.253.961.937
	<b><u>36.538.946.405</u></b>	<b><u>69.643.529.730</u></b>

**9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b><u>VND</u></b>	<b><u>VND</u></b>
Tài sản thiếu chờ xử lý	682.265.386	467.937.771
Tạm ứng	293.734.815	430.683.289
Ký quỹ (i)	1.055.407.968	2.131.936.154
	<b><u>2.031.408.169</u></b>	<b><u>3.030.557.214</u></b>

(i) Chủ yếu là khoản ký quỹ mở LC tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Bình Thạnh và Ngân hàng Công Thương để nhập khẩu dầu gốc.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**10. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản khác		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>												
Tại ngày 01/01/2012	31.600.850.940	11.497.982.990	5.678.797.746	560.638.886	2.062.529.228	51.400.799.790						
Tăng trong năm	159.477.984	493.186.591	13.500.000	37.381.818	-	703.546.393						
Thanh lý tài sản	-	(286.363.636)	(414.779.610)	-	-	(701.143.246)						
Phân loại lại	(107.920.000)	107.920.000	-	-	-	-						
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>31.652.408.924</b>	<b>11.812.725.945</b>	<b>5.277.518.136</b>	<b>598.020.704</b>	<b>2.062.529.228</b>	<b>51.403.202.937</b>						
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>												
Tại ngày 01/01/2012	(20.883.148.696)	(11.304.569.839)	(3.700.206.305)	(358.927.051)	(1.449.189.615)	(37.696.041.506)						
Khấu hao trong năm	(1.212.072.131)	(152.896.491)	(491.268.226)	(93.527.230)	(28.630.080)	(1.978.394.158)						
Thanh lý tài sản	-	19.090.910	414.779.610	-	-	433.870.520						
Phân loại lại	12.590.669	(12.590.669)	-	-	-	-						
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>(22.082.630.158)</b>	<b>(11.450.966.089)</b>	<b>(3.776.694.921)</b>	<b>(452.454.281)</b>	<b>(1.477.819.695)</b>	<b>(39.240.565.144)</b>						
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>9.569.778.766</b>	<b>361.759.856</b>	<b>1.500.823.215</b>	<b>145.566.423</b>	<b>584.709.533</b>	<b>12.162.637.793</b>						
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>10.717.702.244</b>	<b>193.413.151</b>	<b>1.978.591.441</b>	<b>201.711.835</b>	<b>613.339.613</b>	<b>13.704.758.284</b>						

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 27.825.885.700 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 19.683.734.328 đồng).

Khấu hao trong năm bao gồm chi phí khấu hao được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm là 1.949.764.078 đồng và chi phí khấu hao của tài sản cố định hình thành từ quỹ phúc lợi với số tiền là 28.630.080 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU NHỒN PV OIL**Số 201 Đường Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**Giá trị quyền  
sử dụng đất  
VND**NGUYÊN GIÁ**

Tại ngày 01/01/2012 và 31/12/2012

3.066.978.600**GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ**

Tại ngày 01/01/2012

(1.303.465.905)

Khấu hao trong năm

(102.232.620)

Tại ngày 31/12/2012

(1.405.698.525)**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

Tại ngày 31/12/2012

1.661.280.075

Tại ngày 31/12/2011

1.763.512.695**12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

Đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 16 tháng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 18 tháng) với lãi suất 11%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 12%/năm) tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Thạnh. Khoản tiền gửi này được dùng để đảm bảo cho việc phát hành thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo hành sản phẩm giữa Công ty và Điện lực Kiên Giang.

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chủ yếu giá trị lợi thế vị trí địa lý của các lô đất phát sinh từ việc xác định giá trị doanh nghiệp trước khi chuyển đổi loại hình công ty, chi phí sửa chữa văn phòng, nhà xưởng và công cụ, dụng cụ đã xuất dùng.

	31/12/2012 <u>VND</u>	31/12/2011 <u>VND</u>
Giá trị lợi thế vị trí địa lý tại số 201 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh	22.727.455.296	22.727.455.296
Giá trị lợi thế vị trí địa lý tại số 8 Nguyễn Thái Học, Vũng Tàu	3.104.134.740	3.170.180.160
Giá trị lợi thế vị trí địa lý tại số 1 Nguyễn Bình Khiêm, Hải Phòng	1.890.715.000	2.268.858.000
Chi phí sửa chữa văn phòng, nhà xưởng	1.826.303.802	1.582.334.977
Chi phí thuê cây xăng 249 Ngô Quyền, Tp. Đà Nẵng	7.254.545.449	-
Chi phí khác	1.959.850.801	372.299.861
	<u>38.763.005.088</u>	<u>30.121.128.294</u>

Khi cổ phần hóa doanh nghiệp Công ty đã ghi nhận tăng giá trị vốn góp tương ứng với giá trị lợi thế vị trí địa lý văn phòng số 201 Điện Biên Phủ, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh với số tiền là 23.674.432.600 đồng và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 50 năm tương ứng với thời hạn sử dụng đất của lô đất này. Công ty đã tiến hành phân bổ vào chi phí năm 2010 và 2011 với tổng số tiền là 946.977.304 đồng, và giá trị còn lại chưa phân bổ đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 22.727.455.296 đồng. Trong năm 2012, Công ty đã không thực hiện việc phân bổ giá trị lợi thế vị trí địa lý văn phòng số 201 Điện Biên Phủ, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh do Công ty đang chờ quyết định chính thức của Bộ Tài chính hoặc các đơn vị có liên quan.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU NHỜN PV OIL**

Số 201 Đường Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b><u>VND</u></b>	<b><u>VND</u></b>
Thuế giá trị gia tăng	576.053.436	21.189.641
Thuế thu nhập doanh nghiệp	544.806.659	4.690.804.182
Thuế thu nhập cá nhân	94.537.084	440.108.930
Các khoản phí, lệ phí và thuế khác	103.082.266	366.357.322
	<b><u>1.318.479.445</u></b>	<b><u>5.518.460.075</u></b>

Tình hình tăng giảm các khoản thuế và các khoản phải nộp nhà nước trong năm như sau:

	<b>Tại ngày</b>	<b>Số phải nộp</b>	<b>Số đã nộp trong</b>	<b>Tại ngày</b>
	<b>01/01/2012</b>	<b>trong năm</b>	<b>năm</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b><u>VND</u></b>	<b><u>VND</u></b>	<b><u>VND</u></b>	<b><u>VND</u></b>
Thuế giá trị gia tăng	21.189.641	8.352.080.646	(7.797.216.851)	576.053.436
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.690.804.182	538.718.616	(4.684.716.139)	544.806.659
Thuế thu nhập cá nhân	440.108.930	277.062.488	(622.634.334)	94.537.084
Các khoản phí, lệ phí và thuế khác	366.357.322	3.063.785.399	(3.327.060.455)	103.082.266
<b>Tổng</b>	<b><u>5.518.460.075</u></b>	<b><u>12.231.647.149</u></b>	<b><u>(16.431.627.779)</u></b>	<b><u>1.318.479.445</u></b>

**15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b><u>VND</u></b>	<b><u>VND</u></b>
Bảo hiểm xã hội, y tế và kinh phí công đoàn	64.020.610	26.722.408
Phải trả về cổ phần hóa	-	25.182.314.713
Phải trả khác cho PV Oil	2.809.914.223	2.822.119.562
Phải trả cổ tức cho PV Oil	11.712.330.000	5.577.300.000
Phải trả cổ tức cho các cổ đông khác	550.000.000	-
Phải trả Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	168.000.000	1.037.846.273
Phải trả khác	75.476.012	305.777.164
	<b><u>15.379.740.845</u></b>	<b><u>34.952.080.120</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**MÃ SỐ B 09-DN**

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	Tổng
		phần	triển	tài chính	phối	phối	VND
		phần	triển	tài chính	phối	phối	VND
<b>Tại ngày 01/01/2011</b>	<b>89.000.000.000</b>	<b>1.901.869.859</b>	-	-	<b>10.752.531.738</b>	<b>101.654.401.597</b>	<b>101.654.401.597</b>
Chia cổ tức	-	-	-	-	(8.900.000.000)	(8.900.000.000)	(8.900.000.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	13.621.825.974	13.621.825.974	13.621.825.974
Phân phối quỹ dự phòng tài chính trong năm	-	-	-	528.626.587	(528.626.587)	-	-
Phân phối quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm	-	-	-	-	(1.057.253.174)	(1.057.253.174)	(1.057.253.174)
Điều chỉnh giảm thặng dư vốn cổ phần theo biên bản quyết toán cổ phần hóa	-	(102.816.767)	-	-	-	(102.816.767)	(102.816.767)
<b>Tại ngày 01/01/2012</b>	<b>89.000.000.000</b>	<b>1.799.053.092</b>	-	<b>528.626.587</b>	<b>13.888.477.951</b>	<b>105.216.157.630</b>	<b>105.216.157.630</b>
Chia cổ tức	-	-	-	-	(9.790.000.000)	(9.790.000.000)	(9.790.000.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	1.511.600.285	1.511.600.285	1.511.600.285
Phân phối quỹ dự phòng tài chính trong năm	-	-	-	681.091.299	(681.091.299)	-	-
Phân phối quỹ đầu tư phát triển trong năm	-	-	2.055.204.054	-	(2.055.204.054)	-	-
Phân phối quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm	-	-	-	-	(1.362.182.598)	(1.362.182.598)	(1.362.182.598)
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>89.000.000.000</b>	<b>1.799.053.092</b>	<b>2.055.204.054</b>	<b>1.209.717.886</b>	<b>1.511.600.285</b>	<b>95.575.575.317</b>	<b>95.575.575.317</b>

Theo Nghị quyết số 01/NQ-PVOLUB-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông của Công ty ngày 15 tháng 5 năm 2012. Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận của Công ty từ lợi nhuận sau thuế của năm 2011 như sau:

- Trích lập quỹ dự phòng tài chính là 681.091.299 đồng;
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi là 1.362.182.598 đồng;
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển là 2.055.204.054 đồng;
- Chia cổ tức là 9.790.000.000 đồng.

Cũng theo Nghị quyết này, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua chủ trương tăng vốn điều lệ của Công ty từ 89.000.000.000 đồng lên 120.000.000.000 đồng. Đến ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty chưa thực hiện việc tăng vốn.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU NHỜN PV OIL**Số 201 Đường Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

	31/12/2012		31/12/2011	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Được phép phát hành	8.900.000	89.000.000.000	8.900.000	89.000.000.000
Đã phát hành và góp vốn đủ	8.900.000	89.000.000.000	8.900.000	89.000.000.000

Công ty chi phát hành một loại cổ phiếu phổ thông không được hưởng lợi tức cố định với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phiếu sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ phiếu phổ thông đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết về cổ đông sáng lập và số cổ phần nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

	31/12/2012		31/12/2011	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	55.773.000.000	62,67	55.773.000.000	62,67
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Sài Gòn Hà Nội	8.000.000.000	8,99	8.000.000.000	8,99
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	5.000.000.000	5,62	5.000.000.000	5,62
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam	3.000.000.000	3,37	3.000.000.000	3,37
Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình	1.975.000.000	2,22	1.975.000.000	2,22
Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Giải Phóng	-	-	2.100.000.000	2,36
Trương Anh Hùng	2.000.000.000	2,25	-	-
Cổ đông khác	13.252.000.000	14,88	13.152.000.000	14,77
	<b>89.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>89.000.000.000</b>	<b>100</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**17. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh dầu mỡ nhờn và kinh doanh xăng dầu; hoạt động khác là cho thuê văn phòng. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày là liên quan đến hoạt động kinh doanh chính.

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty hoạt động tại Miền Bắc, Miền Trung và Miền Nam.

Dưới đây là phân tích doanh thu thuần của Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

	<b>2012</b>	<b>2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Miền Nam</b>	<b>185.239.263.669</b>	<b>294.292.260.819</b>
<i>Văn phòng Hồ Chí Minh</i>	<i>175.887.600.594</i>	<i>268.076.829.489</i>
<i>Chi nhánh Vũng Tàu</i>	<i>9.351.663.075</i>	<i>26.215.431.330</i>
<b>Miền Trung</b>	<b>77.862.683.268</b>	<b>-</b>
<i>Chi nhánh Đà Nẵng</i>	<i>77.862.683.268</i>	<i>-</i>
<b>Miền Bắc</b>	<b>142.588.438.039</b>	<b>149.687.029.353</b>
<i>Chi nhánh Hà Nội</i>	<i>134.441.136.672</i>	<i>148.887.708.141</i>
<i>Chi nhánh Tuyên Quang</i>	<i>8.147.301.367</i>	<i>799.321.212</i>
	<b>405.690.384.976</b>	<b>443.979.290.172</b>
<b>18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>	<b>2012</b>	<b>2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:</b>		
- Thành phẩm dầu mỡ nhờn	117.875.965.143	106.598.769.492
- Hàng hóa xăng dầu, dầu mỡ nhờn và hàng hóa khác	287.797.101.104	337.275.810.645
- Doanh thu khác	4.305.038.698	2.615.748.390
	<b>409.978.104.945</b>	<b>446.490.328.527</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
- Chiết khấu thương mại	(4.287.719.969)	(2.506.059.975)
- Hàng bán bị trả lại	-	(4.978.380)
	<b>(4.287.719.969)</b>	<b>(2.511.038.355)</b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>405.690.384.976</b>	<b>443.979.290.172</b>
<b>19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP</b>	<b>2012</b>	<b>2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Thành phẩm dầu mỡ nhờn	96.532.245.139	81.310.022.372
- Hàng hóa xăng dầu, dầu mỡ nhờn và hàng hóa khác	273.383.892.071	320.997.468.840
- Khác	2.597.725.048	286.414.000
	<b>372.513.862.258</b>	<b>402.593.905.212</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU NHỜN PV OIL**

Số 201 Đường Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Báo cáo tài chính****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>2012</b>	<b>2011</b>
	<b><u>VND</u></b>	<b><u>VND</u></b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	92.558.258.701	75.047.710.353
Chi phí nhân công	16.665.446.198	14.731.964.853
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.051.996.698	2.562.203.622
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.811.700.618	6.496.535.244
Chi phí khác	7.988.590.854	9.182.078.693
	<b><u>132.075.993.069</u></b>	<b><u>108.020.492.765</u></b>

**21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>2012</b>	<b>2011</b>
	<b><u>VND</u></b>	<b><u>VND</u></b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.140.531.152	1.511.403.617
Khác	108.352.363	3.121.652.777
	<b><u>1.248.883.515</u></b>	<b><u>4.633.056.394</u></b>

**22. LỢI NHUẬN KHÁC**

	<b>2012</b>	<b>2011</b>
	<b><u>VND</u></b>	<b><u>VND</u></b>
Thu từ thanh lý tài sản cố định	359.548.166	129.090.909
Thu khác	2.219.971.806	1.912.678.646
<b>Thu nhập khác</b>	<b><u>2.579.519.972</u></b>	<b><u>2.041.769.555</u></b>
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	(267.272.726)	
Chi phí khác	(39.548.303)	(750.007.668)
<b>Chi phí khác</b>	<b><u>(306.821.029)</u></b>	<b><u>(750.007.668)</u></b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b><u>2.272.698.943</u></b>	<b><u>1.291.761.887</u></b>

**23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<b>2012</b>	<b>2011</b>
	<b><u>VND</u></b>	<b><u>VND</u></b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại</b>		
Lợi nhuận trước thuế	2.050.318.901	18.342.630.156
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Trừ: các khoản điều chỉnh giảm	-	(377.708.688)
Cộng: các khoản điều chỉnh tăng	104.555.561	816.053.088
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b><u>2.154.874.462</u></b>	<b><u>18.780.974.556</u></b>
Thuế suất áp dụng	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	538.718.616	4.695.243.639
Thuế TNDN năm 2010 bị truy thu	-	25.560.543
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b><u>538.718.616</u></b>	<b><u>4.720.804.182</u></b>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU NHỒN PV OIL**

Số 201 Đường Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Báo cáo tài chính****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<b>2012</b>	<b>2011</b>
Lợi nhuận trong năm (VND)	1.511.600.285	13.621.825.974
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	1.511.600.285	13.621.825.974
Số cổ phiếu bình quân gia quyền (cổ phiếu)	8.900.000	8.900.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>170</b>	<b>1.531</b>

**25. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	<b>2012</b> <b>VND</b>	<b>2011</b> <b>VND</b>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	578.657.000	521.599.128

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<b>2012</b> <b>VND</b>	<b>2011</b> <b>VND</b>
Trong vòng một năm	249.780.000	8.433.563.855
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	-	249.936.000
	<b>249.780.000</b>	<b>8.683.499.855</b>

Khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê 319,40 m<sup>2</sup> tại Lô 13, nhà M1, Khu đô thị mới Yên Hòa, thành phố Hà Nội với giá thuê là 2.000 USD/tháng, tiền thuê sẽ được tăng lên 10% mỗi năm, hợp đồng thuê được ký trong thời hạn 3 năm tính từ ngày 19 tháng 04 năm 2010.

**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị vào cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU NHỜN PV OIL**Số 201 Đường Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	48.705.193.999	30.226.554.836
Phải thu khách hàng và phải thu khác	33.871.526.667	26.860.713.006
Đầu tư tài chính	735.214.677	4.595.146.709
Tài sản tài chính khác	1.058.407.968	2.169.936.154
<b>Tổng cộng</b>	<b>84.370.343.311</b>	<b>63.852.350.705</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	74.559.661.340	69.969.492.913
Chi phí phải trả	1.146.698.768	309.399.900
<b>Tổng cộng</b>	<b>75.706.360.108</b>	<b>70.278.892.813</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và giá hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (“USD”)	3.630.788.830	2.131.936.154	1.036.472.095	-

**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ*

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 10% so với đồng Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá.

Nếu tỷ giá của đồng Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	2012		2011	
	VND		VND	
	Tăng 10%	Giảm 10%	Tăng 10%	Giảm 10%
Đô la Mỹ ("USD")	259.431.674	(259.431.674)	213.193.615	(213.193.615)

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 27.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.





**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU NHỜN PV OIL**Số 201 Đường Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm như sau:

	<b>2012</b>	<b>2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lương, thưởng và các khoản phụ cấp	<u>1.890.000.000</u>	<u>1.103.790.617</u>

Số dư với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:


	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu</b>		
Phải thu từ PV Oil	3.377.599.663	-
Phải thu từ các công ty con, công ty liên doanh, liên kết thuộc PVN và các chi nhánh của PV Oil	<u>13.442.085.525</u>	<u>9.906.238.734</u>
<b>Phải trả</b>		
Phải trả cho PV Oil	7.477.413.530	773.173.530
Phải trả cho các công ty con, công ty liên doanh, liên kết thuộc PVN và các chi nhánh của PV Oil	<u>44.597.475.034</u>	<u>32.103.408.647</u>
	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các khoản phải trả, phải nộp khác</b>		
Phải trả cổ tức cho PV Oil	11.712.330.000	5.577.300.000
Phải trả khác cho PV Oil	2.809.914.223	2.822.119.562
Phải trả về cổ phần hóa	<u>-</u>	<u>25.182.314.713</u>


**28. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính cho kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.



**Huỳnh Nguyễn Bạch Tuyên**  
Giám đốc  
Ngày 1 tháng 4 năm 2013

  
Ngũ Văn Đào  
Kế toán trưởng

  
Thái Thị Ban Mai  
Người lập biểu